

Bản án số: 241/2019/DS-ST

Ngày: 30- 8- 2019

V/v: “ Tranh chấp chia thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Dũng

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Tám.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tr- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông L Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về: “*Tranh chấp* chia thừa kế tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Minh Th, sinh năm 1960 và Đặng Thị D, sinh năm 1971. Cùng cư trú ấp Hòa Hưng 2, xã Hòa Lạc, Phú Tân, An Giang.

- Bị đơn: Đặng Minh Tr, sinh năm 1977. Cư trú ấp Hòa H 2, xã Hòa L, Phú T, An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Đặng Thị L, sinh năm 1969. Cư trú ấp Hòa H 2, xã Hòa L, Phú T, An Giang.

+ Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1964. Cư trú ấp Hòa H 2, xã Hòa L, Phú T, An Giang.

Chị D có mặt. Anh Th, anh Tr, anh Tr và chị L vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên tòa thì ông Đặng Minh Th và bà Đặng Thị D trình bày:

- Cha, mẹ là ông Đặng Minh T ( chết ngày 06- 4- 2011 và bà Nguyễn Thị H ( chết ngày 07- 6-2016 ). Hai cụ có 01 dòng con gồm:

- Đặng Thị L.

- Đặng Thị D.

- Đặng Minh Th.

- Đặng Minh Tr.

Tài sản hai cụ để lại diện tích 1031m<sup>2</sup> đất trồng lúa ở tờ bản đồ số 01, số thửa 2415 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01477.QSDĐ/iC, ngày 10- 02- 1998 do cụ Nguyễn Thị H đứng tên diện tích 17295m<sup>2</sup>, tọa lạc xã Hòa Lạc đã đăng ký chuyển đổi để được cấp lại giấy chứng nhận mới ở tờ bản đồ số 37, thửa số 934, diện tích 1.292m<sup>2</sup>( theo giấy xác nhận ngày 20- 4- 2017 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc) nhưng chưa được nhận giấy mới nên vẫn còn sử dụng giấy cũ. Hiện nay đã thành đất ao, Tr quản lý sử dụng, trước đây cho anh Tr thuê nuôi cá, nhưng anh Tr đã trả lại đất, thực tế đo đạc theo sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân diện tích là 1299m<sup>2</sup>:

- Trong đó: Các điểm 1, 2 , 14, 13, 17 diện tích 57m<sup>2</sup>; các điểm 14, 15, 3 diện tích 12m<sup>2</sup>. Công chung = 69m<sup>2</sup> theo hệ thống bản đồ cấp đổi thuộc tờ 37, loại đất thủy lợi;

- Các điểm 13, 16, 17, 18 diện tích 1m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 137 tờ bản đồ số 7;

- Các điểm 4, 16, 13, 14, 15 diện tích 1229m<sup>2</sup> thuộc 01 phần thửa 934, tờ bản đồ số 37.

Trên thêm hầm có số cây lâu năm và ăn trái do 02 cụ trồng, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân gồm: 58 cây gạo; 16 cây bạch đàn; 5 cây còng; 5 bụi tre; 2 cây ổi; 2 cây xoài, 03 cây sung; 07 cây mít; 01 cây bơ; 01 cây trâm; 04 cây dừa. Trước khi chết 02 cụ không có chúc thư hoặc chúc miệng.

Yêu cầu ông Tr phải chia thừa kế diện tích đất trên đây, đáng lẽ phải chia diện tích theo thực tế đo đạc là 1299m<sup>2</sup> nhưng chỉ yêu cầu: Sau khi trừ đất thủy lợi 69m<sup>2</sup> trên đây, còn lại 1230m<sup>2</sup> sẽ chia phần diện tích này và chia giá trị bằng tiền theo giá mà đoàn đã định. Đối với các loại cây trên mặt đất không yêu cầu chia mà Tr tiếp tục hưởng.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thì ông Đặng Minh Tr khai: Ông T, bà H là cha, mẹ. Bà L, bà D, ông Th là anh, chị của ông, nguồn gốc diện tích đất mà ông Th và bà D đòi chia thừa kế là của cha, mẹ để lại ( đất ao ), trước đây ông cho ông Tr thuê, nhưng hiện nay ông Tr đã trả lại. Yêu cầu: không đồng ý chia thừa kế đất cho ông Th và bà D, vì vậy không yêu cầu phải hoàn trả lại cho ông công sức đã giữ gìn, tôn tạo, bảo quản tài sản.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 03- 11- 2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thì ông Nguyễn Văn Tr khai: Ông với ông Th là bà con cô, cậu. Vào tháng 02- 2017 ông có thuê đất hầm của ông Tr để chăn nuôi cá, sau khi nghe các anh em ông Tr tranh chấp chia thừa kế đất thì ông đã trả lại và thanh toán tiền thuê dứt điểm, vì vậy không còn liên quan.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1} Bà L, ông Tr, ông Tr đã được tổng đạt thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, vì vậy lập biên bản không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

{1.2} Bà L, ông Tr, ông Tr đã được triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, do đó HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các ông, bà.

{1.3} Ông Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

{2}-Về nội dung :

{2.1} Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ tranh chấp chia thừa kế tài sản. Các bên thống nhất nguồn gốc đất chia thừa kế là của 02 cụ Đăng Minh T và Nguyễn Thị H, cụ T chết ngày 06-4-2011, cụ H chết ngày 07-6-2016 là còn thời hiệu chia thừa kế, theo quy định tại khoản 1, Điều 623 Bộ luật dân sự. Hai cụ chết không có chức thư hoặc chức miệng. Như vậy được chia thừa kế theo luật được quy định tại các điều 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự cho các con của 02 cụ gồm; Bà L, bà D, ông Th và ông Tr, nhưng chiếu cố chia cho ông Tr nhiều hơn vì ông là người đã có công sức giữ gìn, bảo quản, duy trì tài sản thừa kế.

Về diện tích đất thừa kế: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01477.QSĐĐ/iC, ngày 10- 02- 1998, tờ bản đồ số 01, số thửa 2415 diện tích 1031 m<sup>2</sup> đất 2 lúa, tọa lạc xã Hòa Lạc, Phú Tân, theo giấy xác nhận ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Hòa lạc thì: “ Thừa số 2415, tờ bản đồ số 01 diện tích 1031 m<sup>2</sup>, chuyển qua hệ thống bản đồ chính quy thuộc tờ bản đồ số 37, thửa 934, diện tích 1292m<sup>2</sup> là của bà Nguyễn Thị H chưa kê khai đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thật”, Theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 30- 11- 2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân thì diện tích là 1299m<sup>2</sup>. Trong diện tích này, theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 30- 11- 2018 của văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh huyện Phú Tân và công văn số 1544/UBND-TNMT ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân thì trong diện tích 1299m<sup>2</sup> có 268m<sup>2</sup> chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trong 268m<sup>2</sup> có 69m<sup>2</sup> là đất thủy lợi do nhà nước quản lý, như vậy diện tích đất còn lại để chia thừa kế là 1.230 m<sup>2</sup> trong đó diện tích 1.031m<sup>2</sup> đất trồng lúa, tọa lạc xã Hòa Lạc, Phú Tân ở tờ bản đồ số 01, số thửa 2415 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H đứng tên số 01477.QSĐĐ/iC ngày 10- 02-1998 và diện tích còn lại chuyển qua hệ thống bản đồ chính quy thuộc tờ bản đồ số 37 thửa số 934 ( theo xác nhận ngày 20- 4- 2017 của Ủy

ban nhân dân xã Hòa Lạc), đối với diện tích này tuy chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đương sự yêu cầu Tòa án giải quyết và theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, chia cho ông Tr được hưởng toàn bộ bằng hiện vật đôi với diện tích 1230m<sup>2</sup> và đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai đăng ký đối với diện tích đất mình được thừa hưởng và phải chia lại giá trị bằng tiền cho các thừa kế khác gồm: ông Th, bà L và bà D. Theo khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định thì đối với bà L là người thuộc diện thừa kế, tuy không làm việc được với bà nhưng theo quy định trên đây thì bà cũng được phân chia và phần hưởng của bà tạm giao cho anh Tr quản lý, nếu sau này anh Tr không giao lại cho bà và bà có yêu cầu Tòa án giải quyết thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

Đáng lẽ chia thừa kế làm 4 phần cho Bà L, bà D, ông Th và ông Tr của diện tích 1230m<sup>2</sup> đất và chia bằng hiện vật, nhưng đây là đất ao, hơn nữa diện tích đất sẽ chia cho mỗi phần dưới hạn mức tách thửa theo quy định và anh Th chị D yêu cầu chia bằng tiền, nhưng chiều cố cho anh Tr nhiều hơn là 350m<sup>2</sup> còn lại 880m<sup>2</sup> chia cho ông Th, bà L, bà D mỗi người 293m<sup>2</sup> và chia giá trị bằng tiền theo đoàn đã định là 60.000đ/m<sup>2</sup> = 17.580.000đ. Về số cây trên mặt đất ông Th, bà D không yêu cầu chia mà giao cho ông Tr được hưởng.

Trước khi tranh chấp thì diện tích đất trên đây, ông Tr cho ông Tr thuê, nhưng hiện nay ông Tr đã trả lại đất, vì vậy ông Tr không còn liên quan

- Chi phí đo đạc Chị D đã ký với Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh huyện Phú Tân 1.196.800đ và chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000đ cộng chung = 3.196.800đ chia làm bốn. Ông Th, ông Tr và bà L mỗi người phải hoàn trả lại cho bà Diễm 799.000đ.

- Về án phí DSST:

+ Ông Th, bà D, bà L mỗi người phải chịu án phí đòi với số tiền mình được hưởng 879.000đ theo quy định tại khoản 7, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Anh Tr phải chịu 1.050.000đ theo quy định tại khoản 7, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

{4}- Phát biểu ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với các ông, bà: Th, Tr, L đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm. Về nội dung, bà D và ông Th yêu cầu ông Tr chia thừa kế tài sản là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1, Điều 623; các Điều 649, 650, 651 Bộ luật dân sự;
- Điểm b, khoản 2, Điều 203 Luật Đất đai;
- Khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP, ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 7, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Công nhận tài sản thừa kế của hai cụ Đặng Minh T và Nguyễn Thị H để lại anh Đặng Minh Tr quản lý sử dụng diện tích 1230m<sup>2</sup> đất trồng lúa, tọa lạc xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, ở các điểm 1, 2, 3, 4 Theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 30- 11- 2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân ( trừ các điểm 1, 2, 14, 13, 18, 17 diện tích 57m<sup>2</sup> và các điểm 14, 15, 3 diện tích 12m<sup>2</sup> là loại đất thủy lợi. Cộng chung = 69m<sup>2</sup> ). Trong đó có diện tích 1.031m<sup>2</sup> đất trồng lúa, tọa lạc xã Hòa Lạc, Phú Tân ở tờ bản đồ số 01, số thửa 2415 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị H đứng tên số 01477.QSDD/iC ngày 10- 02-1998, diện tích còn lại chuyển qua hệ thống bản đồ chính quy thuộc tờ bản đồ số 37 thửa số 934 ( theo giấy xác nhận ngày 20- 4- 2017 của Ủy ban nhân dân xã Hòa Lạc) và thửa đất số 137 tờ bản đồ số 7 ( Theo sơ đồ hiện trạng khu đất lập ngày 30- 11- 2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Phú Tân ) và các loại cây trên mặt đất gồm: 58 cây gáo; 16 cây bạch đàn; 5 cây còng; 5 bụi tre; 2 cây ổi; 2 cây xoài, 03 cây sung; 07 cây mít; 01 cây bơ; 01 cây trâm; 04 cây dứa. Anh Tr hưởng bằng hiện vật diện tích 1230m<sup>2</sup> đất và số cây trên đây và phải chia lại giá trị bằng tiền cho:

Ông Đặng Minh Th 17.580.000đ.

Bà Đặng Thị D 17.580.000đ.

Bà Đặng Thị L 17.580.000đ. Số tiền bà L được chia, tạm giao cho ông Tr quản lý.

- Ông Đặng Minh Tr phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký diện tích 1230m<sup>2</sup> đất trên đây.

Vê án phí DSST:

- Ông Tr phải chịu 1.050.000đ

- Ông Th, bà D và bà L mỗi người phải chịu 879.000đ.

Số tiền bà D phải chịu được khấu vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000, theo biên lai thu số 0016385, ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, số còn lại 579.000đ bà D phải nộp tiếp.

Số tiền ông Th phải chịu được khấu vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000, theo biên lai thu số 0016384, ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Phú Tân, số còn lại 579.000đ ông Th phải nộp tiếp.

- Anh Th, bà L, ông Tr mỗi người phải hoàn trả lại cho bà D chi phí ký hợp đồng đo đạc và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá là 799.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà D, bà L, ông Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên anh Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các ông, bà: Th, Tr, Tr và L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thành Dũng**